

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC  
ĐÀ NẴNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 35

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 31/07/2020)
Ông Nguyễn Văn Cần	Phó Chủ tịch
Ông Lê Trường Kỳ	Thành viên
Ông Hoàng Ngọc Lộc	Thành viên
Ông Lê Anh Long	Thành viên
Ông Lê Huy Đông	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/02/2020)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Khương Tịnh	Trưởng ban
Ông Huỳnh Nguyên Văn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thảo	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Cần	Giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Lộc	Phó Giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Văn Căn**  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Số: 136/2021/KT-RSMHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**KT TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đặng Thị Hồng Loan**  
**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0425-2018-026-1

**Lý Trung Thành**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
2822-2020-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

*Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>27.085.721.703</b>	<b>23.917.096.437</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>4.478.488.645</b>	<b>5.400.148.517</b>
1. Tiền	111		2.978.488.645	2.900.148.517
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	2.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.2	<b>10.000.000.000</b>	<b>6.400.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	6.400.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.293.913.629</b>	<b>1.196.904.990</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	1.208.135.128	992.285.132
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	164.223.454
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		117.089.501	71.707.404
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(31.311.000)	(31.311.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.5	<b>11.291.094.906</b>	<b>10.874.576.372</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.387.002.184	10.956.300.800
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(95.907.278)	(81.724.428)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.224.523</b>	<b>45.466.558</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	22.224.523	45.466.558
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>25.384.369.594</b>	<b>26.685.252.124</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.871.763.624</b>	<b>19.589.549.354</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	3.722.440.207	4.440.225.937
Nguyên giá	222		15.603.220.942	15.603.220.942
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.880.780.735)	(11.162.995.005)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	15.149.323.417	15.149.323.417
Nguyên giá	228		15.149.323.417	15.149.323.417
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	4.8	<b>5.446.047.798</b>	<b>6.044.972.972</b>
1. Nguyên giá	231		20.772.787.944	20.772.787.944
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(15.326.740.146)	(14.727.814.972)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.066.558.172</b>	<b>1.050.729.798</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	1.066.558.172	1.050.729.798
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>52.470.091.297</b>	<b>50.602.348.561</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.285.942.174</b>	<b>9.587.611.013</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.705.973.774</b>	<b>8.885.701.013</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	6.028.523.256	4.822.763.092
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.950.000	405.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	651.967.702	735.814.363
4. Phải trả người lao động	314		885.618.638	952.609.934
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		49.706.339	13.765.550
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.13	1.158.076.818	1.373.966.299
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	673.322.254	835.476.629
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		256.808.767	150.900.146
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>579.968.400</b>	<b>701.910.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.12	579.968.400	701.910.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>42.184.149.123</b>	<b>41.014.737.548</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.14	<b>42.184.149.123</b>	<b>41.014.737.548</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.707.300.000	2.707.300.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.447.133.746	1.086.065.125
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.029.715.377	7.221.372.423
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		499.235.181	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.530.480.196	7.221.372.423
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>52.470.091.297</b>	<b>50.602.348.561</b>



Nguyễn Văn Cần  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Lê Mạnh  
Kế toán trưởng

Phạm Mai Anh  
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	76.854.678.270	88.829.699.193
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		73.208.103	99.873.264
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		76.781.470.167	88.729.825.929
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	55.837.568.889	64.361.576.375
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.943.901.278	24.368.249.554
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		480.304.769	798.878.242
7. Chi phí tài chính	22		-	13.701.094
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	13.701.094
8. Chi phí bán hàng	25	5.3	9.862.131.271	13.066.887.417
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	2.808.923.291	3.281.380.230
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.753.151.485	8.805.159.055
11. Thu nhập khác	31		362.463.600	353.958.506
12. Chi phí khác	32		241.855.977	95.077.032
13. Lợi nhuận khác	40		120.607.623	258.881.474
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.873.759.108	9.064.040.529
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	1.343.278.912	1.842.668.106
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.530.480.196	7.221.372.423
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.4	2.385	2.287
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.5	2.385	2.287



**Nguyễn Văn Cân**  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2021

**Lê Mạnh**  
Kế toán trưởng

**Phạm Mai Anh**  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>8.873.759.108</b>	<b>9.064.040.529</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.5	1.316.710.904	1.304.261.105
Các khoản dự phòng	03		14.182.850	27.115.462
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(398.631.888)	(724.631.574)
Chi phí lãi vay	06		-	13.701.094
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>9.806.020.974</b>	<b>9.684.486.616</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33.410.438)	500.513.172
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(430.701.384)	(1.058.477.551)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		609.369.672	74.833.833
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(15.828.374)	227.426.822
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(13.701.094)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.11	(1.376.851.044)	(1.882.359.969)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		21.980.000	65.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(277.140.000)	(513.287.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>8.303.439.406</b>	<b>7.084.434.829</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(986.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	(317.636.364)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(7.000.000.000)	(6.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		3.400.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		358.275.722	736.900.816
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.241.724.278)</b>	<b>(6.966.735.548)</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	2.723.801.400
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(2.723.801.400)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.14.6	(5.983.375.000)	(27.869.488.422)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.983.375.000)</b>	<b>(27.869.488.422)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>		<b>(921.659.872)</b>	<b>(27.751.789.141)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.400.148.517	33.151.937.658
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b> (70 = 50 + 60 + 61)	<b>70</b>	4.1	<b>4.478.488.645</b>	<b>5.400.148.517</b>



Nguyễn Văn Căn  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Lê Mạnh  
Kế toán trưởng

Phạm Mai Anh  
Người lập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24 tháng 05 năm 2004, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400465793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 16 tháng 01 năm 2014.

Ngày 21 tháng 10 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 635/QĐ-SGDHN ngày 30 tháng 09 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Cổ đông	Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Văn Cản	Việt Nam	7.143.950.000	23,81	7.143.950.000	23,81
Ông Thái Văn May	Việt Nam	3.516.900.000	11,72	3.516.900.000	11,72
Ông Lê Trường Kỳ	Việt Nam	11.118.800.000	37,06	11.118.800.000	37,06
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	Việt Nam	5.000.000.000	16,67	5.000.000.000	16,67
Vốn góp của cổ đông khác		3.220.350.000	10,74	3.220.350.000	10,74
<b>Cộng</b>		<b>30.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 76 - 78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 105 (31/12/2019: 113).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: bán buôn sách giáo khoa, sách giáo viên, sách mở rộng và nâng cao kiến thức, giấy vở, thiết bị dạy và học, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ sách giáo khoa, sách giáo viên, sách mở rộng và nâng cao kiến thức, giấy vở, thiết bị dạy và học, văn phòng phẩm;
- In ấn. Chi tiết: in ấn sách giáo khoa, biểu mẫu, hồ sơ sổ sách phục vụ ngành giáo dục và in bao bì giấy nhựa in gia công, tham gia khai thác các loại ấn phẩm khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi). Bán buôn trang thiết bị cho phòng thí nghiệm, dụng cụ nghe nhìn;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh, kho;
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi. Chi tiết: sản xuất đồ chơi trẻ em, đồ chơi mẫu giáo, đồ dùng dạy học;
- Sản phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất trang thiết bị cho phòng thí nghiệm;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ nghe nhìn;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: sản xuất thiết bị văn phòng, máy vi tính, phần mềm dạy học, sản phẩm điện tử;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn đồ chơi trẻ em, đồ chơi mẫu giáo, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, máy vi tính, phần mềm vi tính dạy học, sản phẩm điện tử. Xuất nhập khẩu sản phẩm văn hóa phẩm giáo dục, văn phòng phẩm, thiết bị vi tính, điện tử, giấy in các loại;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh các loại hình vui chơi giải trí;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Chi tiết: thiết kế mỹ thuật, tạo mẫu;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Chi tiết: nhận ủy thác mua bán, xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: tư vấn cho ngành giáo dục về công tác sách và thiết bị trường học, tham gia hỗ trợ chuyên môn và phát triển công tác sách, thiết bị, thư viện nhà trường.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 kể từ đầu năm 2020 cho đến ngày lập báo cáo tài chính vẫn chưa chấm dứt. Dịch COVID-19 lây lan trên phạm vi toàn thế giới và các quy định về hạn chế đi lại không những ảnh hưởng đến sức khỏe mà còn tác động đến nền kinh tế cộng đồng. Đặc biệt, việc bùng phát trở lại của dịch COVID-19 tại Đà Nẵng từ cuối tháng 07 năm 2020 đã gây ra nhiều khó khăn và thách thức đối với Công ty, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty. Doanh thu của Công ty vì vậy sụt giảm mạnh trong năm 2020. Công ty cũng đã cố gắng tìm cách tiết giảm các chi phí hoạt động.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**1.6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2020 gồm:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
1. Nhà sách Đà Nẵng	Số 76 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
2. Nhà sách Đà Nẵng 3	Số 409 Đường Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
3. Nhà sách Hòa Khánh	Số 812 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
4. Nhà sách Cẩm Lệ	Số 42 Đường Ông Ích Đường, Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
5. Nhà sách Thanh Khê	Số 722 Đường Trần Cao Vân, Phường Xuân Hà, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
6. Nhà in	Số 98 Đường Núi Thành, Phường Hòa Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

**3.3. Đầu tư tài chính**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

**3.4. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 05 – 25 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 02 – 07 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 04 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 03 năm      |

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.8. Cho thuê tài sản**

***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**3.9. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

***Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư***

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

***Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 – 25 năm

**3.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê.
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 02 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;

**3.11. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.12. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.13. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

**3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.15. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

**3.17. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lương nhân viên bán hàng và các khoản chi phí trích theo lương, chi phí khấu hao tài sản cố định, các chi phí giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**3.19. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

*Ưu đãi, miễn giảm thuế*

Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Sách giáo khoa, sách giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học kỹ thuật,...: không chịu thuế;
- Các loại sách khác và thiết bị văn phòng phẩm: 5% - 10%;
- Các dịch vụ khác: 10%.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.22. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.23. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	29.412.403	30.028.307
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.949.076.242	2.870.120.210
Các khoản tương đương tiền	1.500.000.000	2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.478.488.645</b>	<b>5.400.148.517</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất là 3,3%/năm.

**4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	6.400.000.000	6.400.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất từ 3,9% đến 4,4%/năm.

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	41.045.078	171.560.840
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH TM và DV Tân Tây Lan	588.659.300	234.000.000
Các khách hàng khác	578.430.750	586.724.292
<b>Cộng</b>	<b>1.208.135.128</b>	<b>992.285.132</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.4. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	31.311.000	-	31.311.000	-

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì khách hàng này đã dừng hoạt động kinh doanh và đã thực hiện thủ tục đóng mã số thuế.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND			Tại ngày 01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	31.311.000	-	Trên 03 năm	31.311.000	-	Trên 03 năm

**4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	193.362.190	-	158.722.174	-
Thành phẩm	641.728.009	-	1.024.035.748	-
Hàng hóa	10.551.911.985	(95.907.278)	9.773.542.878	(81.724.428)
<b>Cộng</b>	<b>11.387.002.184</b>	<b>(95.907.278)</b>	<b>10.956.300.800</b>	<b>(81.724.428)</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2020	7.991.497.872	4.715.214.260	2.661.352.456	235.156.354	15.603.220.942
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>7.991.497.872</b>	<b>4.715.214.260</b>	<b>2.661.352.456</b>	<b>235.156.354</b>	<b>15.603.220.942</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2020	4.996.227.005	3.858.954.377	2.136.495.625	171.317.998	11.162.995.005
Khấu hao trong năm	329.012.249	211.142.857	150.630.624	27.000.000	717.785.730
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>5.325.239.254</b>	<b>4.070.097.234</b>	<b>2.287.126.249</b>	<b>198.317.998</b>	<b>11.880.780.735</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2020	2.995.270.867	856.259.883	524.856.831	63.838.356	4.440.225.937
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>2.666.258.618</b>	<b>645.117.026</b>	<b>374.226.207</b>	<b>36.838.356</b>	<b>3.722.440.207</b>

Giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của TSCĐ hữu hình với số tiền là 1.869.975.566 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/25690/HĐBĐ ngày 24 tháng 05 năm 2017.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.792.402.144 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Là quyền sử dụng đất vô thời hạn và không trích khấu hao tại các lô đất được liệt kê chi tiết như sau:

- Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 13 tại 76-78 Đường Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BE572290 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19 tháng 07 năm 2011, giá trị 5.330.204.600 VND.
- Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 10 tại 42 Đường Ông Ích Đường, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AG258663 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27 tháng 09 năm 2006, giá trị 3.277.575.560 VND.
- Thửa đất số 102a, tờ bản đồ số HK8 tại 812 Đường Tôn Đức Thắng, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất R346918 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17 tháng 11 năm 2000, giá trị 890.428.369 VND.
- Thửa đất số B4-27, tờ bản đồ số KT04/5 tại Đường Ngô Quyền, khu An Hòa, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AI356456 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04 tháng 07 năm 2007, giá trị 1.272.055.366 VND.
- Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 18 tại 722 Đường Trần Cao Vân, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 63954 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21 tháng 01 năm 2003, giá trị 4.114.963.522 VND.
- Thửa đất số 44 tại Đường Trần Quang Diệu, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, Thành Phố Đà Nẵng, giá trị 264.096.000 VND.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình với số tiền là 5.330.204.600 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/25690/HĐBĐ ngày 24 tháng 05 năm 2017.

*(Xem tiếp trang sau)*



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<u>Bất động sản đầu tư cho thuê:</u>				
Nguyên giá:				
Nhà	20.772.787.944	-	-	20.772.787.944
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	15.326.740.146	598.925.174	-	14.727.814.972
Giá trị còn lại:				
Nhà	5.446.047.798			6.044.972.972

Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư với số tiền là 5.446.047.798 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/25690/HĐBĐ ngày 24 tháng 05 năm 2017.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 8.093.001.781 VND.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị đang ghi sổ.

**4.9. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền thuê đất (*)	908.543.750	1.036.808.750
Công cụ, dụng cụ	158.014.422	13.921.048
<b>Cộng</b>	<b>1.066.558.172</b>	<b>1.050.729.798</b>

(\*) Tiền thuê đất tại KCN Hòa Cầm theo Hợp đồng thuê số 98/2008/HĐ và phụ lục thuê lại đất số 07/2013/HĐTLĐ/IZI lập ngày 25 tháng 02 năm 2013.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	20.070.657	20.070.657
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Bảo Anh	563.929.956	563.929.956	447.563.341	447.563.341
Công ty TNHH Văn Hóa Minh Tân ( Nhà sách Minh Thảng)	394.534.950	394.534.950	334.091.250	334.091.250
Phải trả cho các đối tượng khác	5.070.058.350	5.070.058.350	4.021.037.844	4.021.037.844
<b>Cộng</b>	<b>6.028.523.256</b>	<b>6.028.523.256</b>	<b>4.822.763.092</b>	<b>4.822.763.092</b>

**4.11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	293.047.074	1.754.393.397	1.810.959.926	-	349.613.603
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	352.628.628	1.343.278.912	1.376.851.044	-	386.200.760
Thuế thu nhập cá nhân	22.224.523	6.292.000	368.414.865	338.880.830	45.466.558	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	392.449.594	392.449.594	-	-
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>22.224.523</b>	<b>651.967.702</b>	<b>3.866.536.768</b>	<b>3.927.141.394</b>	<b>45.466.558</b>	<b>735.814.363</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.12. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	30.950.160	31.208.760
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	542.211.200	697.002.701
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	78.192.610	61.567.610
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.968.284	45.697.558
<b>Cộng</b>	<b>673.322.254</b>	<b>835.476.629</b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	579.968.400	701.910.000

**4.13. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê nhà từ bên liên quan – Xem thêm mục 7	508.745.152	360.296.062
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê nhà từ khách hàng khác	649.331.666	1.013.670.237
<b>Cộng</b>	<b>1.158.076.818</b>	<b>1.373.966.299</b>

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.14. Vốn chủ sở hữu****4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2019	30.000.000.000	2.707.300.000	901.274.320	28.334.790.805	61.943.365.125	
Lãi trong năm trước	-	-	-	7.221.372.423	7.221.372.423	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(250.000.000)	(250.000.000)	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	184.790.805	(184.790.805)	-	
Chia cổ tức	-	-	-	(27.900.000.000)	(27.900.000.000)	
Tại ngày 01/01/2020	30.000.000.000	2.707.300.000	1.086.065.125	7.221.372.423	41.014.737.548	
Lãi trong năm nay	-	-	-	7.530.480.196	7.530.480.196	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(361.068.621)	(361.068.621)	
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	361.068.621	(361.068.621)	-	
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)	
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>2.707.300.000</b>	<b>1.447.133.746</b>	<b>8.029.715.377</b>	<b>42.184.149.123</b>	

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 04 năm 2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ông Nguyễn Văn Cản	7.143.950.000	7.143.950.000
Ông Thái Văn May	3.516.900.000	3.516.900.000
Ông Lê Trường Kỳ	11.118.800.000	11.118.800.000
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	5.000.000.000	5.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	3.220.350.000	3.220.350.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**4.14.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	3.000.000	3.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.14.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	7.530.480.196	7.221.372.423
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(376.524.010)	(361.068.621)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.153.956.186	6.860.303.802
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.385</b>	<b>2.287</b>

**4.14.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	7.530.480.196	7.221.372.423
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(376.524.010)	(361.068.621)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.153.956.186	6.860.303.802
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.385</b>	<b>2.287</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Quý khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 04 năm 2020.

**4.14.6. Cổ tức**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Cổ tức đã trả (tổng số hay trên mỗi cổ phần) của cổ phiếu phổ thông	(5.983.375.000)	(27.869.488.422)

**4.14.7. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2020	1.086.065.125
Trích trong năm	361.068.621
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>1.447.133.746</b>

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng	66.545.250.157	77.775.776.947
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	10.309.428.113	11.053.922.246
<b>Cộng</b>	<b>76.854.678.270</b>	<b>88.829.699.193</b>
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	2.328.607.113	1.668.027.449

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	51.285.277.046	58.527.718.154
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.929.222.391	3.457.425.675
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	2.032.975.712	2.349.317.084
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	575.910.890	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	14.182.850	27.115.462
<b>Cộng</b>	<b>55.837.568.889</b>	<b>64.361.576.375</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.3. Chi phí bán hàng**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	7.020.353.155	8.832.013.550
Chi phí vật liệu, bao bì	115.314.726	193.778.300
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	139.412.507	191.466.708
Chi phí khấu hao TSCĐ	327.599.950	333.317.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.969.539.643	2.973.780.956
Chi phí bằng tiền khác	289.911.290	542.530.629
<b>Cộng</b>	<b>9.862.131.271</b>	<b>13.066.887.417</b>

**5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	1.899.534.702	2.313.612.753
Chi phí đồ dùng văn phòng	80.297.342	76.370.228
Chi phí khấu hao TSCĐ	179.042.923	169.204.567
Thuế, phí, lệ phí	48.798.758	48.119.245
Chi phí dịch vụ mua ngoài	270.841.577	391.337.073
Chi phí bằng tiền khác	330.407.989	282.736.364
<b>Cộng</b>	<b>2.808.923.291</b>	<b>3.281.380.230</b>

**5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.035.439.814	1.717.230.267
Chi phí nhân công	9.957.945.179	13.167.509.021
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.316.710.904	1.304.261.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.824.924.233	5.529.218.875
Chi phí khác bằng tiền	762.736.127	955.563.480
<b>Cộng</b>	<b>16.897.756.257</b>	<b>22.673.782.748</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	8.873.759.108	9.064.040.529
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	721.090.262	149.300.000
- Chi phí giá vốn vượt định mức	575.910.890	-
- Thù lao HĐQT và BKS	126.000.000	126.000.000
- Phí niêm yết	15.000.000	15.000.000
- Chi phí khác	4.179.372	8.300.000
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	9.594.849.370	9.213.340.529
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.918.969.874	1.842.668.106
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 06 năm 2020	(575.690.962)	-
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>1.343.278.912</b>	<b>1.842.668.106</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có hoạt động chính là kinh doanh sách, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, thiết bị giáo dục, cho thuê mặt bằng văn phòng, nhà xưởng và không có các chi nhánh tại các địa phương khác. Vì vậy, công ty chỉ trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

- Kinh doanh sách, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, thiết bị giáo dục, in ấn;
- Cho thuê mặt bằng, dịch vụ.

	Kinh doanh sách, VPP		Cho thuê mặt bằng		Tổng cộng	
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Doanh thu	66.545.250.157	77.775.776.947	10.309.428.113	11.053.922.246	76.854.678.270	88.829.699.193
Các khoản giảm trừ doanh thu	73.208.103	99.873.264	-	-	73.208.103	99.873.264
Giá vốn	53.804.593.177	62.012.259.291	2.032.975.712	2.349.317.084	55.837.568.889	64.361.576.375
Chi phí không phân bổ					12.671.054.562	16.348.267.647
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					8.272.846.716	2.912.096.608
Thu nhập tài chính					480.304.769	798.878.242
Chi phí tài chính					-	13.701.094
Thu nhập khác					362.463.600	353.958.506
Chi phí khác					241.855.977	95.077.032
Lợi nhuận trước thuế					8.873.759.108	9.064.040.529
Thuế thu nhập doanh nghiệp					1.343.278.912	1.842.668.106
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>7.530.480.196</b>	<b>7.221.372.423</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Các thông tin khác**

	Kinh doanh sách, VPP		Cho thuê mặt bằng		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tài sản của bộ phận	18.871.763.624	19.589.549.354	5.446.047.798	6.044.972.972	24.317.811.422	25.634.522.326
Tài sản không phân bổ					28.152.279.875	24.967.826.235
<b>Tổng tài sản</b>					<b>52.470.091.297</b>	<b>50.602.348.561</b>
Nợ phải trả của bộ phận	6.856.966.351	5.711.221.933	2.280.256.418	2.772.879.000	9.143.514.769	8.484.100.933
Nợ phải trả không phân bổ					1.142.427.405	1.103.510.080
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>10.285.942.174</b>	<b>9.587.611.013</b>
	Kinh doanh sách, VPP		Cho thuê mặt bằng		Tổng cộng	
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí mua sắm tài sản	-	1.031.000.000	-	-	-	1.031.000.000
Chi phí khấu hao	717.785.730	705.335.931	598.925.174	598.925.174	1.316.710.904	1.304.261.105

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO	Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO là thành viên HĐQT của Công ty
2. Công ty CP Vật liệu Xây dựng Dufago	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vật liệu Xây dựng Dufago là Chủ tịch HĐQT của Công ty
3. Công ty CP Bất Động Sản Elite House	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bất Động Sản Elite House là thành viên HĐQT của Công ty
4. Công ty CP KOMIYAMA Việt Nam	Cổ đông lớn của Công ty CP KOMIYAMA Việt Nam là thành viên HĐQT của Công ty
5. Công ty CP Đầu tư Plutus Việt Nam	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Plutus Việt Nam là thành viên HĐQT của Công ty
6. Công ty CP Quản lý Dự án DAC	Cổ đông lớn của Công ty CP Quản lý Dự án DAC là Chủ tịch HĐQT của Công ty
7. Công ty CP DINCO Sài Gòn	Chủ tịch HĐQT Công ty CP DINCO Sài Gòn là thành viên HĐQT của Công ty
8. Công ty CP Xây dựng Fi Di	Cổ đông lớn của Công ty CP Xây dựng Fi Di là Chủ tịch HĐQT của Công ty
9. Công ty CP Bê tông DINCO Chu Lai	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bê tông DINCO Chu Lai là Chủ tịch HĐQT của Công ty
10. Công ty TNHH Go-Working	Giám đốc là thành viên cùng gia đình
11. Công ty TNHH Nguyên Huy	Giám đốc là thành viên cùng gia đình
12. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2020 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2020 VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO	22.084.920	167.415.160
Công ty CP Vật liệu Xây dựng Dufago	12.219.680	4.145.680
Công ty TNHH Nguyên Huy	6.740.478	-
	<u>41.045.078</u>	<u>171.560.840</u>

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2020 VND</u>	<u>Năm 2019 VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO	1.468.641.233	1.544.122.614
Công ty TNHH Go-Working	737.221.605	-
Công ty CP Vật liệu Xây dựng Dufago	46.526.057	123.904.835
Công ty CP Bất Động Sản Elite House	33.668.582	-
Công ty TNHH Nguyên Huy	32.363.636	-
Công ty CP Xây dựng Fi Di	10.186.000	-
	<u>2.328.607.113</u>	<u>1.668.027.449</u>

**Cộng – Xem thêm mục 5.1**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng:		
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO	358.026.970	360.296.062
Công ty TNHH Go-Working	144.354.546	-
Công ty CP Bất Động Sản Elite House	6.363.636	-
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.13</b>	<b>508.745.152</b>	<b>360.296.062</b>

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Mua hàng:		
Công ty TNHH Nguyên Huy	1.662.535.321	-
<b>Cộng</b>	<b>1.662.535.321</b>	<b>-</b>

Chia cổ tức:		
Ông Lê Trường Kỳ	2.223.760.000	8.412.594.000
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	1.000.000.000	4.650.000.000
Ông Nguyễn Văn Cản	1.428.790.000	6.643.873.500
<b>Cộng</b>	<b>4.652.550.000</b>	<b>19.706.467.500</b>

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	Chủ tịch HĐQT	13.500.000	-
Ông Nguyễn Văn Cản	Phó Chủ tịch HĐQT/ Giám đốc	334.323.264	277.225.000
Ông Lê Trường Kỳ	Thành viên	18.000.000	21.000.000
Ông Hoàng Ngọc Lộc	Thành viên/ Phó Giám đốc	144.213.799	176.707.000
Ông Lê Anh Long	Thành viên	18.000.000	21.000.000
Ông Lê Huy Đông	Thành viên	4.500.000	21.000.000
Bà Trương Thị Hảo	Phó Giám đốc	-	111.643.000
Ông Lê Mạnh	Kế toán trưởng	128.198.000	156.584.000
<b>Cộng</b>		<b>660.735.063</b>	<b>785.159.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động:			
Ông Khương Tịnh	Trưởng ban	14.400.000	14.400.000
Ông Huỳnh Nguyên Văn	Thành viên	14.400.000	14.400.000
Bà Nguyễn Thị Thảo	Thành viên	14.400.000	14.400.000
<b>Cộng</b>		<b>43.200.000</b>	<b>43.200.000</b>

**9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**Công ty là bên cho thuê**

Công ty cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 2 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	10.309.428.113	11.053.922.246

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang theo các thời hạn:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Từ 1 năm trở xuống	1.158.076.818	1.373.966.299

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến 31 tháng 12 năm 2020 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



**Nguyễn Văn Căn**  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2021

**Lê Mạnh**  
Kế toán trưởng

**Phạm Mai Anh**  
Người lập

# THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

## RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building,  
140 Nguyen Van Thu Street,  
Da Kao Ward, District 1,  
Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026  
F +8428 3827 5027

Ha Noi Office  
25th Floor, Tower A, Discovery Complex Building,  
No.302 Cau Giay Street, Dich Vong Ward, Cau Giay District,  
Hanoi, Vietnam

T +8424 3795 5353  
F +8424 3795 5252

Central Office  
3th Floor, 142 Xo Viet Nghe Tinh Street,  
Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau District,  
Da Nang, Vietnam

T +84236 363 3334  
F +84236 363 3335

